TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2024/HS-PT
Ngày: 04-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Bà Huỳnh Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024. Do có kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Thanh D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Thị Thanh D, sinh năm 1985, tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh B (Đã chết) và bà Đặng Thị Q (Đã chết); chồng Trần Chấn H (Đã chết); con 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 2003 và người con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Thanh D: Luật sư Nguyễn Văn M – Thành viên Đoàn Luật sư tỉnh L (Có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 01 bị cáo khác và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8-2023, bị cáo Dương Bảo N làm phiên dịch tiếng Hoa cho Công ty Đ tại Thành phố B, V Campuchia. Quy định chung: Mỗi tháng, bị cáo N phải đạt chỉ tiêu giới thiệu 03 người Việt Nam vào làm cho công ty, sẽ được trả lương 800 USD; nếu người do bị cáo N trực tiếp giới thiệu, tạo ra thu nhập cho công ty, bị cáo N sẽ được hưởng 20% thu nhập do người đó tạo ra; nếu thông qua người khác giới thiệu, bị cáo N chỉ được hưởng 10%, chia cho người giới thiệu 10%.

Khoảng cuối tháng 8/2023, bị cáo N sử dụng tài khoản Zalo có tên "Maria Dương" để nhắn tin qua Zalo có tên "Boss Brian" của ông D2 giới thiệu, lôi kéo ông D2 sang Campuchia làm việc tại Công ty Đ. Ông D2 đồng ý qua Công ty Đ để xem công việc, nếu phù hợp thì sẽ làm việc.

Ngày 10-9-2023 tại Campuchia, thông qua sự giới thiệu của người có tên là Trần Đức T (không rõ thông tin, địa chỉ), hai bị cáo N và D gặp và quen nhau. Bị cáo N cùng một người đàn ông có quốc tịch Trung Quốc tên là D1 là quản lý của Công ty Đ (không rõ thông tin, địa chỉ) đưa bị cáo D đến trụ sở Công ty để xem công việc. Tại Công ty Đ, bị cáo D được D1 và bị cáo N giới thiệu làm việc trên máy tính với mức lương 800 USD/tháng và phải qua thử việc một tuần. Sau một tuần thử việc, nếu đồng ý làm thì Công ty sẽ ký hợp đồng. Đồng thời, bị cáo D cũng được giới thiệu về việc: Nếu người vào Công ty Đ làm vượt chỉ tiêu do Công ty đặt ra, người giới thiệu sẽ được hưởng thêm tiền phần trăm hoa hồng (khoảng 05% đến 10%). Bị cáo D nói lại cho bị cáo N biết, bị cáo D về Việt Nam để bàn bạc và dẫn các con, cháu của bị cáo D sang Campuchia làm việc tại Công ty Đ.

Ngày 11-9-2023, bị cáo D về Việt Nam lôi kéo con ruột là Trần Phi H1 và bạn gái của H1 là Lê Thị Thùy L cùng với hai người cháu của bị cáo D là Lê Quốc T1 và Lê Hoàng K sang Campuchia làm việc cho Công ty Đ. Cả 04 người gồm L, H1, T1 và K đồng ý. Sau đó, bị cáo D sử dụng tài khoản Zalo có tên "Phúc Hạnh" nhắn tin qua ứng dụng Zalo có tên "Maria Dương" của bị cáo N để thông báo về việc bị cáo D cùng 04 người con, cháu sang Campuchia thử việc. Bị cáo D nói cho bị cáo N biết có 02 người không có hộ chiếu gồm L và H1. Bị cáo N nói bị cáo D cùng người thân cứ qua Campuchia, mọi thủ tục xuất cảnh, xe đưa đi bị cáo N sẽ lo; bị cáo Diệu ứng trước chi phí đi lại, sau khi sang Campuchia thì Công ty Đ sẽ trả lại. Đồng thời, bị cáo N nhắn tin với bạn trai là ông Nguyễn Việt T2 tài xế lái xe 16 chỗ, biển kiểm soát 47F-000.18 qua nhắn tin trao đổi qua lại. Bị cáo N biết ngày 13-9-2023, ông T2 sẽ điều khiển xe ô tô vào Thành phố Hồ Chí Minh để rước em gái, nên ngày 11-9-2023 bị cáo N tiếp tục nhắn tin thúc giục ông D2. Bị cáo D sắp xếp sang Campuchia xem công việc vào ngày 13-9-2023. Bị cáo D nói với bị cáo N là bị cáo D hết tiền, bị cáo N hứa sẽ chuyển cho bị cáo D số tiền 1.000.000 đồng làm chi phí đi lại. Sau khi thống nhất thời gian, bị cáo N thông báo cho ông T2 rước ông D2 tại tỉnh Đắk Nông và nhóm người của bị cáo D tại

tỉnh Tiền Giang. Ông T2 yêu cầu bị cáo N chuyển tiền đổ xăng và ăn uống trong quá trình đi là 8.000.000 đồng, bị cáo N đồng ý. Lúc này, bị cáo Ngọc ứng trước của quản lý công ty L1 số tiền 200 USD và đổi ra tiền Việt Nam khoảng 4.800.000 đồng, bị cáo Ngọc N1 số tiền này vào tài khoản Ngân hàng V số 0231000560592 của bị cáo N (trong tài khoản còn 500.000 đồng) và chuyển số tiền 5.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng MB số 0975653776 của ông T2.

Khoảng 15 giờ ngày 12-9-2023, ông T2 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47F-000.18 đi đến huyện Đ, tỉnh Đắk Nông rước ông D2, rồi tiếp tục điều khiển xe đi đến huyện T, tỉnh Tiền Giang rước nhóm người của bị cáo D. Trong lúc đi, bị cáo N nhờ ông T2 chuyển giúp cho bị cáo D số tiền 1.000.000 đồng. Đến khoảng 04 giờ ngày 13-9-2023, ông T2 cùng ông D2 đến thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang và nghỉ ngơi tại đây. Đồng thời, bị cáo N từ Campuchia liên lạc và nhờ con ruột là Đinh Hùng A chuyển số tiền còn lại là 3.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng MB số 0975653776 của ông T2. Đến khoảng 07 giờ ngày 13-9-2023, ông T2 chuyển số tiền 1.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A1 số 6908205114963 của bị cáo D theo yêu cầu của bị cáo N. Khoảng 09 giờ ngày 13-9-2023, ông T2 điều khiển xe ô tô chở bị cáo D, ông D2 cùng L, H1, K và T1 đến Cửa khẩu M2, huyện Đ, tỉnh Long An. Khoảng 12 giờ cùng ngày, ông T2 dừng xe cho cả nhóm ăn cơm ở gần cửa khẩu M2. Sau khi ăn cơm, ông T2 nhắn tin thông báo cho bị cáo N đã đưa ông D2 và nhóm của bị cáo D đến Cửa khẩu Mỹ Quý T3 và hành lý của mọi người nhiều. Lúc này, bị cáo N hỏi mượn ông T2 số tiền mặt 3.000.000 đồng và ông T2 đồng ý. Đến khoảng 14 giờ, bị cáo N yêu cầu ông T2 lái xe vào bãi xe gần cửa khẩu M2 để bị cáo N đón ông D2, bị cáo D và những người đi cùng. Khi đến bãi xe, ông D2, bị cáo D, cùng với H1, L, K và T1 xuống xe, ông T2 đưa số tiền mặt 3.000.000 đồng cho bị cáo Ngọc M1 rồi điều khiển xe để tìm chỗ đậu xe (do trên xe vẫn còn hành lý, nên ông T2 chưa điều khiển xe ô tô về luôn). Lúc này, bị cáo N đưa cho K, T1 và bị cáo D mỗi người số tiền 250.000 đồng để đóng tiền đi qua Cửa khẩu do có hộ chiếu. Đồng thời, bị cáo N đưa cho H1, L và ông D2 mỗi người số tiền 500.000 đồng để thuê xe ôm chở sang C vì không có hộ chiếu. Khi bị cáo N cùng D2, L và H1 chuẩn bị thuê xe ôm chở xuất cảnh trái phép sang Campuchia thì bị lực lượng Biên phòng cửa khẩu M2 phát hiện và bắt quả tang.

Quá trình làm việc với Trần Phi H1, Lê Thị Thùy L, Hoàng Đức D2, Đồn Biên phòng cửa khẩu M3 tạm giữ mỗi người 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo N đưa để thuê xe ôm chở xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Tang vật tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu S 8, màu đen, sử dụng 01 thuê bao Mobifone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10 5G, màu xám, sử dụng 02 thuê bao Metfone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, sử dụng thuê bao Mobifone và số tiền 2.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị Thanh D phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

Căn cứ: Khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Các Điều 299; Điều 326 và Điều 327 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về: Tội danh và hình phạt đối với bị cáo còn lại; hình phạt bổ sung; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/6/2024 bị cáo Đặng Thị Thanh D kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm với nội dung: Giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đặng Thị Thanh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo Đặng Thị Thanh D kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đặng Thị Thanh D phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng pháp luật và mức hình phạt đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo kháng cáo, không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, chỉ cung cấp lại những tình tiết cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không có căn cứ để xem xét các nội dung kháng cáo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như án sơ thẩm xem xét đối với bị cáo. Tuy nhiên, về mức hình phạt 01 năm tù như án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là quá nghiêm khắc, chưa xem xét hết về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo như: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn về mặt kinh tế; trình độ học vấn thấp, nên nhận thức pháp luật cũng bị hại chế; bị cáo bị rủ rê, lôi kéo dẫn đến vi phạm pháp luật; bị cáo có nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo, mong được khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/6/2024 bị cáo Đặng Thị Thanh D có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Ngày 10/9/2023, tại Vương quốc C thông qua người nam có tên là Trần Đức T giới thiệu cho bị cáo D với bị cáo Dương Bảo N gặp và quen biết nhau. Sau đó, bị cáo D đi đến Công ty Đ xem xét công việc làm tại công ty và được hưởng lợi theo giới thiệu của bị cáo N. Do cần việc làm, tin lời của bị cáo N, nên ngày 11/9/2023, bị cáo đi về Việt Nam rủ thêm 04 người thân của bị cáo để cùng đi qua Campuchia tìm việc làm theo lời hứa của bị cáo N. Khoảng 09 giờ ngày 13/9/2023, bị cáo D cùng 04 người thân gồm các ông bà Trần Phi H1, Lê Thị Thùy L, Lê Quốc T1 và Lê Hoàng K cùng một người có tên là D2 được xe ô tô đưa đến Cửa khẩu Quốc tế M2, huyện Đ. Trong đó, có L, H1 và D2 không có Hộ chiếu để làm thủ xuất cảnh theo quy định, nhưng vẫn được bị cáo N đưa mỗi người số tiền 500.000 đồng để đón xe ôm chở đi sang Campuchia trái phép, còn lại bị cáo D, T1 và K được bị cáo N đưa mỗi người số tiền 250.000 đồng để đóng tiền làm thủ tục xuất cảnh. Sau đó, lực lượng Biên phòng phát hiện.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà nội dung án sơ thẩm đã nêu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Đặng Thị Thanh D phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội.

[2.2] Về quyết định hình phạt của cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nộp tiền thu lợi bất chính; có cha ruột là ông Nguyễn Thanh B là người có công với đất nước, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 01 năm tù mới chỉ là mức khởi điểm của khung hình phạt, là nhẹ. Bị cáo kháng cáo, không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, chỉ cung cấp lại những

tình tiết có cha ruột là người có công với đất nước đã được cấp sơ thẩm xem xét, nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, tội phạm do bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Hơn nữa, thời gian qua tình hình người Việt Nam đi qua Lào và Campuchia theo sự rủ rê, lôi kéo của một số đối tượng với danh nghĩa là đi lao động theo hợp đồng, với mức lương cao, nhưng không thực hiện thủ tục xuất cảnh theo quy định của pháp luật, dẫn đến mất an ninh và trật tự xã hội. Đây còn là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các loại tệ nạn của xã hội, các loại tội phạm khác như: Nạn buôn bán người, bị bóc lột sức lao động, thực hiện hành vi phạm tội thông qua Công nghệ cao từ các quốc gia này đến người dân đang sinh sống tại Việt Nam, bị bắt giữ buộc người thân tại Việt Nam trả tiền chuộc người… Do đó, cần giữ nguyên loại hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng răng đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội, nên không chấp nhận kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo. Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những căn cứ và nhận định trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Thanh D. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Đặng Thị Thanh D tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị Thanh D phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

Căn cứ: Khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh D 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ: Các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Đặng Thị Thanh D nộp 200.000 đồng án phí sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện Đức Huệ (02);
- VKSND huyện Đức Huệ (01);
- CQĐT Công an huyện Đức Huệ (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thiện Tâm